

KẾ HOẠCH

Thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15), Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP); Nghị quyết số 2092/NQ-UBTVQH15 ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-BCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ban Chỉ đạo Tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ban hành Kế hoạch triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và Công điện số 32/CĐ-TTg ngày 19/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Để kịp thời triển khai nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Xác định nội dung các công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành, trách nhiệm của các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tổ chức triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết số 2092/NQ-UBTVQH15.

1.2. Việc ban hành Kế hoạch là cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

1.3. Thông qua công tác tổng rà soát, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với thực tiễn hoặc trái với quy định của pháp luật hiện hành; góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh,

bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ và khả thi của văn bản quy phạm pháp luật.

1.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

1.5. Tập trung phát hiện, xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, bất cập, gây cản trở hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, làm phát sinh chi phí tuân thủ; góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Yêu cầu

2.1. Tập hợp đầy đủ văn bản thuộc đối tượng tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

2.2. Bám sát Nghị quyết số 2092/NQ-UBTVQH15 và các tài liệu hướng dẫn, tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về rà soát, tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15).

2.3. Nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

2.4. Việc tổng rà soát phải được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, đúng tiến độ; bảo đảm bố trí các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

2.5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI) trong quá trình thực hiện tổng rà soát, phục vụ phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2.6. Bảo đảm việc tổng rà soát được thực hiện thực chất, hiệu quả, tránh hình thức, sao chép, đối phó; gắn công tác rà soát với cải cách thủ tục hành chính; đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa quy định, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI TỔNG RÀ SOÁT HỆ THỐNG VĂN BẢN

1. Đối tượng tổng rà soát

1.1. Toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên (trước khi sắp xếp tỉnh); văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (sau sắp xếp tỉnh) còn hiệu lực hoặc đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực tính đến hết ngày 31/10/2026.

1.2. Toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã còn hiệu lực hoặc đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực tính đến hết ngày 31/10/2026.

2. Phạm vi tổng rà soát

Việc tổng rà soát được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh Đắk Lắk, đối với các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm rà soát của các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật và Nghị quyết số 2092/NQ-UBTVQH15.

III. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1.1. Tham gia tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ tổng rà soát

a) Nội dung

- Các sở, ban, ngành tham gia đầy đủ các hội nghị tập huấn do Bộ Tư pháp và các cơ quan Trung ương tổ chức (trực tiếp hoặc trực tuyến).

- Sở Tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận, phổ biến nội dung tập huấn; hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

b) Thời gian, tiến độ thực hiện: theo kế hoạch, thời gian tổ chức của Bộ Tư pháp.

1.2. Tập hợp và rà soát văn bản thuộc đối tượng tổng rà soát

a) Nội dung

- Các sở, ban, ngành tập hợp văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc đối tượng tổng rà soát trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao, bao gồm: các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên (trước sắp xếp tỉnh) còn hiệu lực; các văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (sau sắp xếp tỉnh) còn hiệu lực hoặc chưa có hiệu lực tính đến ngày 31/10/2026.

- Tập hợp và kiểm tra lại kết quả rà soát văn bản thuộc đối tượng tổng rà soát đã được thực hiện trước đó trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị, bao gồm: kết quả rà soát thường xuyên; rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực.

- Tiến hành rà soát bổ sung theo quy định trong trường hợp kết quả rà soát tập hợp chưa được rà soát hoặc rà soát chưa đầy đủ. Việc rà soát được thực hiện trên cơ sở đối chiếu, so sánh hình thức, nội dung văn bản với quy định pháp luật hiện hành có liên quan và điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay trên địa bàn tỉnh,

trong đó xác định rõ văn bản còn phù hợp, văn bản cần tạm ngưng hiệu lực, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế và nêu rõ lý do đề xuất.

- Trong quá trình thực hiện, các cơ quan, đơn vị khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và các nguồn dữ liệu chính thống để phục vụ tra cứu, đối chiếu, xác định hiệu lực văn bản.

b) Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành ở tỉnh;

c) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp;

d) Thời gian, tiến độ thực hiện: Trong tháng 5 và tháng 6/2026.

1.3. Báo cáo sơ bộ kết quả rà soát (lần 1)

a) Nội dung

- Các sở, ban, ngành gửi báo cáo tình hình, sơ bộ kết quả tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật về Sở Tư pháp để tổng hợp.

Nội dung, biểu mẫu báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

- Trên cơ sở báo cáo sơ bộ của các sở, ban, ngành, Sở Tư pháp tổng hợp, đánh giá tình hình, tiến độ và kết quả bước đầu của công tác tổng rà soát; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Báo cáo sơ bộ (báo cáo lần 1) về kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

b) Thời gian, tiến độ thực hiện

- Các sở, ban, ngành: Hoàn thành trước ngày **30/6/2026**.

- Sở Tư pháp: Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày **05/7/2026**.

1.4. Rà soát bổ sung và hoàn thiện kết quả

a) Nội dung

- Trên cơ sở kết quả rà soát bước đầu, các sở, ban, ngành tiếp tục rà soát bổ sung đối với các văn bản chưa được đánh giá đầy đủ; cập nhật các quy định pháp luật mới có liên quan.

- Thực hiện đối chiếu, so sánh nội dung văn bản với quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn quản lý nhà nước tại địa phương, bảo đảm đánh giá đầy đủ về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và tính khả thi của văn bản.

- Rà soát, xác định rõ phương án xử lý đối với từng văn bản, bao gồm: tiếp tục áp dụng, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc tạm ngưng hiệu lực (nếu có); nêu rõ căn cứ pháp lý và lý do đề xuất xử lý.

- Hoàn thiện kết quả rà soát, bảo đảm đầy đủ nội dung theo yêu cầu; chuẩn

hóa thông tin, số liệu và danh mục văn bản; bảo đảm tính chính xác, thống nhất và đồng bộ giữa các nội dung rà soát.

- Trong quá trình rà soát, các cơ quan, đơn vị chủ động lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp, đặc biệt là người dân, doanh nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học để bảo đảm tính thực tiễn, khả thi của phương án xử lý.

- Kết quả rà soát phải chỉ rõ nội dung, điều, khoản, điểm của văn bản cần xử lý; xác định cụ thể phương án xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới), cơ quan chủ trì và thời hạn thực hiện.

b) Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành ở tỉnh;

c) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp;

d) Thời gian, tiến độ thực hiện: Từ tháng 7 đến hết tháng 9/2026.

1.5. Báo cáo chính thức kết quả rà soát của các sở, ban, ngành (lần 2)

a) Nội dung

- Xây dựng báo cáo chính thức kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi quản lý, bảo đảm phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả rà soát.

- Gửi báo cáo chính thức kết quả rà soát về Sở Tư pháp để tổng hợp, hoàn thiện kết quả rà soát.

- Nội dung, biểu mẫu báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

b) Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành.

c) Thời gian, tiến độ thực hiện: Hoàn thành trước ngày **25/10/2026**.

1.6. Tổng hợp, lấy ý kiến và hoàn thiện kết quả tổng rà soát

a) Nội dung

- Kiểm tra lại kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tất cả các sở, ban, ngành.

- Cập nhật, rà soát bổ sung đối với những văn bản quy phạm pháp luật chưa được các cơ quan, đơn vị cập nhật, rà soát và tổng hợp kết quả rà soát trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức họp lấy ý kiến thống nhất của các cơ quan, đơn vị về kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

- Tiếp thu, giải trình và hoàn thiện kết quả tổng rà soát.

b) Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

c) *Cơ quan phối hợp*: Các sở, ban, ngành ở tỉnh;

d) *Thời gian, tiến độ thực hiện*

- Tổng hợp trong tháng **10/2026**;

- Tổ chức họp lấy ý kiến trước ngày **03/11/2026**.

1.7. Xây dựng, ban hành Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) *Nội dung*

- Xây dựng Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở kết quả rà soát của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã; bảo đảm tổng hợp đầy đủ, chính xác, thống nhất.

- Báo cáo được xây dựng theo nội dung, yêu cầu và biểu mẫu hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Báo cáo; đồng thời gửi Bộ Tư pháp và các cơ quan, đơn vị theo quy định.

b) *Cơ quan chủ trì*: Sở Tư pháp;

c) *Cơ quan phối hợp*: Các sở, ban, ngành ở tỉnh;

d) *Thời gian, tiến độ thực hiện*: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày **06/11/2026**;

1.8. Đăng tải kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

a) *Nội dung*

Đăng tải kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk.

b) *Cơ quan chủ trì*: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) *Cơ quan phối hợp*: Sở Tư pháp;

d) *Thời gian, tiến độ thực hiện*: ngay sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phát hành Báo cáo.

2. Hệ thống hóa văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã

2.1. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Xây dựng, ban hành Kế hoạch tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, hoàn thành chậm nhất vào ngày 22/4/2026.

b) Chỉ đạo các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm xác định đầy đủ văn bản thuộc đối tượng rà soát; phát hiện các quy định không còn phù hợp để kiến nghị xử lý theo quy định.

c) Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về Sở Tư pháp để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp, bảo đảm theo 02 mốc thời gian:

- Báo cáo sơ bộ: Trước ngày **30/6/2026**.

- Báo cáo chính thức: Trước ngày **25/10/2026**

Nội dung và biểu mẫu báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp.

2.2. Sở Tư pháp

a) Hướng dẫn nghiệp vụ cho Ủy ban nhân dân cấp xã khi có đề nghị trong quá trình thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

b) Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện của Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Tổng hợp kết quả thực hiện tổng rà soát của cấp xã để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.

3. Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

3.1. Nội dung

a) Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ việc rà soát, phân tích, đối chiếu, đánh giá văn bản quy phạm pháp luật.

b) Thực hiện chuẩn hóa, làm sạch và cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, dữ liệu văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

c) Kết nối Chuyên mục về tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Pháp luật quốc gia với Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang Thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3.2. Cơ quan thực hiện

a) Sở Tư pháp: Chủ trì thực hiện chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ trì thực hiện kết nối Cổng thông tin điện tử của tỉnh với Chuyên mục Tổng rà soát trên Cổng Pháp luật quốc gia.

c) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã: Phối hợp cung cấp đầy đủ,

kip thời, chính xác dữ liệu phục vụ việc cập nhật, kết nối và khai thác hệ thống; kết nối Chuyên mục về tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Pháp luật quốc gia với Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Giao Sở Tài chính hướng dẫn, triển khai, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí theo phân cấp ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Tổ công tác

1.1. Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Tổ công tác thực hiện tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật để chỉ đạo, điều phối việc thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do Giám đốc Sở Tư pháp làm Tổ trưởng.

Tổ công tác gồm có Tổ phó và các Tổ viên.

1.2. Tổ công tác có trách nhiệm tổ chức triển khai; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, điều phối việc thực hiện tổng rà soát; kịp thời xử lý hoặc tham mưu xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh; bảo đảm sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị. Huy động cán bộ có năng lực, kinh nghiệm và các chuyên gia tham gia.

Sở Tư pháp là cơ quan thường trực của Tổ công tác.

2. Các cơ quan, đơn vị ở tỉnh

2.1. Tổ chức triển khai thực hiện công tác tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao theo nội dung, yêu cầu và tiến độ tại khoản 1 Mục III Kế hoạch này.

2.2. Chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng kết quả rà soát thuộc phạm vi quản lý.

2.3. Gửi báo cáo kết quả rà soát (sơ bộ và chính thức) về Sở Tư pháp để tổng hợp theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

3.1. Tổ chức triển khai thực hiện công tác tổng rà soát hệ thống văn bản quy

phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã theo nội dung, yêu cầu và tiến độ tại khoản 2 Mục III Kế hoạch này.

3.2. Chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng kết quả rà soát thuộc phạm vi quản lý.

3.3. Báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) theo quy định.

4. Sở Tư pháp

4.1. Chủ trì, làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

4.2. Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn nghiệp vụ các sở, ban, ngành ở tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã trong quá trình thực hiện.

4.3. Kiểm tra, rà soát lại kết quả của các cơ quan, đơn vị; tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh theo quy định.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

5.1. Thực hiện đăng tải, công khai kết quả tổng rà soát và bảo đảm điều kiện phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; kết nối Chuyên mục về tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Pháp luật quốc gia với Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

5.2. Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch.

Trên cơ sở các nội dung đã được đề ra tại Kế hoạch, các sở, ban, ngành ở tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã kịp thời chỉ đạo, nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (để b/c);
- TT Tỉnh ủy (để b/c);
- TT HĐND tỉnh (để b/c);
- TT Đảng ủy UBND tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- VPUBND tỉnh: CVP, PVP, các phòng, trung tâm ;
- Lưu: VT, NC (L).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyễn Thảo